TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC-PT
Ngày 22-3-2023.
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực hộ tịch"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm;

Ông Nguyễn Minh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 tháng 12 năm 2022, ngày 16 và ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 03 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý hộ tịch".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐPT-HC ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1939; địa chỉ thường trú: số I, tổ P, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ L hệ: số I, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đinh Duy B, sinh năm 1975; địa chỉ: Y, tổ K, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (văn bản ủy quyền ngày 14/01/2021); có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Thái H; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

3.1. Bà Bồ Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ 2, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/9/2022); có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: tổ U, khu phố T, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Hồng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân thị xã T, là người đại diện theo pháp luật; có yêu cầu giải quyết vắng mặt

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Bồ Văn A, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4.2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1938; địa chỉ: khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4.3. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L.

6. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm

- Người khởi kiện trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế tài sản giữa bà Bồ Thị L và bà Nguyễn Thị M thì bà M mới biết bà L đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã K (nay là phường K) cấp lại giấy khai sinh với thông tin cha của bà L là ông Bồ Văn T.

Về nhân thân: Bà Bồ Thị L không phải là con ruột của bà Trương Thị T và ông Bồ Văn T mà chỉ là con nuôi riêng của bà T. Năm 1954, trong lúc ông Bồ Văn T vẫn còn tham gia kháng chiến, bà Trương Thị T đã xin bà L từ một cơ sở bảo mẫu ở Sài Gòn về làm con nuôi. Khi ông T về và bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đi tù thì bà T về K sinh sống và nuôi bà L. Khi ông T đi tù về hai bên đã thống nhất ly dị, vì bà L không phải con chung của ông T và bà T nên ông T không có trách nhiệm gì. Sau đó, bà T lấy chồng khác và ông T lấy bà M làm vợ. Do bà L không phải là con ông T nên từ trước năm 2012 giấy tờ nhân thân của bà L đều thể hiện bà L mang họ mẹ là họ Trương. Chỉ từ năm 2012 bà L mới khai gian dối là con ông Bồ Văn T .

Về lý do bà L khai gian dối để làm giấy khai sinh là do tranh chấp tài sản là quyền sử dụng đất với bên gia đình cha dượng là ông Trịnh Văn B và hiện nay là tranh chấp thừa kế tài sản với gia đình bà Nguyễn Thị M. Nguyên do là khi ông T cưới bà T thì ông Trương Văn Thử (cha bà Trí) có bán cho ông T một miếng đất ruộng để vợ chồng làm ăn, sinh sống. Tuy nhiên, do ông T tham gia kháng chiến nên một mình bà T canh tác. Sau khi chia tay hai bên có nói miệng với nhau là chia đôi phần đất đó, nhưng bà T và sau này là bà L xin bên gia đình bà M cho tiếp tục canh tác và nói sẽ đong lúa trả tiền thuê đất hàng năm. Sau đó, thì bà L tự ý kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 2010 thì việc tranh chấp với gia đình ông B xảy ra, để dành được phần đất này bà L đã làm lại giấy khai sinh để xác nhận là con của ông T , bà T để được hưởng trọn phần quyền sử dụng đất này. Bà L đã gian dối, nhờ vả trong đó có nhờ ông Bồ Văn A là em họ ông T (nói là ký một số giấy tờ để được chia thừa kế của ông Trịnh Văn B) nên ông Anh tin đã đến UBND xã K ký giấy tờ gì đó, mà sau này ông A mới biết được là bà L làm lại giấy khai sinh. Vì vậy, ông Bồ Văn Anh đã có lời khai rất rõ ràng cho Tòa án nhân dân thị xã T và xác nhận bà L không phải con ông T . Do vậy, có đủ cơ sở xem xét việc gian dối của bà L khi khai và cam đoan để được cấp giấy khai sinh.

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp lại giấy khai sinh: Tại thời điểm cấp lại giấy khai sinh cho bà L thì UBND xã K đã không tuân thủ đúng, đầy đủ các quy phạm pháp luật về hộ tịch, cụ thể là Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành. Đối chiếu với các quy phạm pháp luật nói trên thì trường hợp bà Bồ Thị L không thuộc trường hợp cấp lại giấy khai sinh (vì bà L không có giấy tờ gì về hộ tịch xác nhận là con bà Trí, ông T trước đó để cấp lại giấy khai sinh) mà trường hợp bà L phải thực hiện theo trình tự thủ tục đăng ký cha mẹ cho con (nếu không có tranh chấp) và nếu có tranh cấp phải được Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Việc UBND xã K tự ý xác minh và quy kết bà L là con ông T để cấp lại giấy khai sinh là không đúng theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã được Nghị định số 158/2005/NĐ-CP cho phép thực hiện thủ tục xác minh làm rõ nhân thân của người xin cấp lại giấy khai sinh là xác định xem người xin cấp lại giấy khai sinh đó đã được cấp giấy tờ nhân thân gì chưa? Cấp giấy tờ nhân thân với nội dung gì? Cơ quan nào cấp giấy tờ nhân thân? lý do hư hỏng mất mát giấy tờ nhân thân?... Bởi lẽ, điều kiện tiên quyết để được cấp lại giấy khai sinh là trước đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và vì lý do gì đó như: hư hỏng, mất mát,… nên xin cấp lại. Tại thời điểm xin cấp lại giấy khai sinh năm 2012 và cho đến hôm nay, bà L không cung cấp được bất kỳ giấy tờ nhân thân nào mang họ Bồ và là con ông T , vì sự thật từ năm 2012 trở về trước bà L chỉ có giấy tờ nhân thân mang họ Trương (họ mẹ) và không có cha và nếu có chỉ là tự khai nhận chứ chưa được cha mẹ khai sinh, chưa có giấy khai sinh. Do đó, bà L đã cất giấu hoặc hủy toàn bộ những giấy tờ nhân thân này và khai gian dối để được cấp lại giấy khai sinh không đúng những giấy tờ nhân thân của bà L trước đó.

Bà M được biết, kết quả xác minh của UBND xã K tại UBND thị trấn T (nay là phường T) thì cơ quan này đã trả lời rõ là không có hồ sơ cấp giấy tờ

nhân thân của bà L. Do đó, không thể quy kết là UBND thị trấn T trước đây đã cấp giấy khai sinh cho bà L và càng không có cơ sở để xác định nhân thân của bà L là con ông Bồ Văn T .

Bên cạnh đó, việc xác minh và mời người làm chứng để cấp lại giấy khai sinh lại không xác minh và không mời những người có quan hệ trực tiếp đến người xin cấp lại giấy khai sinh như bà Nguyễn Thị M (vợ ông Bồ Văn T) và các con của bà M và ông T ,…mà chỉ gian dối mời ông Bồ Văn Anh không có quan hệ trực tiếp để làm chứng và xác minh. Đến hôm nay, ông Bồ Văn Anh cũng đã xác định rõ việc làm chứng trên là không đúng sự thật.

Sau khi biết bà L được cấp giấy khai sinh mang tên cha là ông Bồ Văn T , bà M đã khiếu nại hành vi cấp Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012, ngày 18/4/2012 cho bà Bồ Thị L là không đúng thẩm quyền, không đúng theo trình tự, thủ tục cấp lại giấy khai sinh và kiến nghị UBND phường K trong trường hợp đã cấp sai giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L thì phải thu hồi, hủy giấy khai sinh của bà Bồ Thị L. Chủ tịch UBND phường K đã ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 (sau đây viết tắt là Quyết định số 25) không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị M.

Bà M nhận thấy việc thực hiện trình tự, thủ tục xác minh để cấp lại giấy khai sinh cho bà L là không đúng quy định, không đúng sự thật và có dấu hiện lạm quyền. UBND xã K không có thẩm quyền xác định cha cho con nhưng tự ý kết luận, quy kết bà L là con ông T làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự và quyền lợi của gia đình bà M.

Do đó, bà M yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ttuyên hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M (lần đầu) số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương và yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương hủy Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của UBND xã K cấp lại giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L.

- *Người bị kiện trình bày:*

Chủ tịch UBND phường K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, vì lý do:

Căn cứ nội dung khiếu nại hành vi hành chính tại văn bản ghi lại việc khiếu nại trực tiếp ngày 03/12/2020 của bà Nguyễn Thị M cho rằng việc đăng ký lại giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L không đúng thẩm quyền, không đúng trình tự thủ tục và kiến nghị thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh cấp đối với bà L. Chủ tịch UBND phường K đã ban hành Thông báo số 332/TB-UBND ngày 07/12/2020 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 18/01/2021, Chủ tịch UBND phường K đã tổ chức đối thoại trực tiếp với người khiếu nại là bà Nguyễn Thị M. Qua kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND phường K đã ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M (lần đầu) kết luận việc đăng ký lại Giấy khai

sinh cho bà Bồ Thị L là đúng thẩm quyền, đảm bảo trình tự, thủ tục và xác định khiếu nại của bà Nguyễn Thị M là khiếu nại sai. Việc ban hành Quyết định số 25 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L:

Về thẩm quyền: Căn cứ quy định tại Điều 47 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch: "*UBND cấp xã, nơi đương sự cư trú hoặc nơi đã đăng ký việc sinh trước đây thực hiện việc đăng ký lại*". Từ quy định trên, bà Bồ Thị L được lựa chọn đăng ký lại khai sinh tại nơi đăng ký khai sinh trước đây là UBND thị trấn T hoặc tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là UBND xã K. Đối chiếu với hồ sơ đăng ký lại khai sinh của bà Bồ Thị L vào thời điểm năm 2012, bà Bồ Thị L có hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã K (nay là khu phố Khánh Lộc, phường K) nên bà L được đăng ký lại khai sinh tại UBND xã K là phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể tại Tờ khai đăng ký lại việc sinh do bà Bồ Thị L tự khai đề ngày 06/4/2012 có xác nhận của UBND thị trấn T ngày 09/4/2012 với nội dung: Sổ bộ khai sinh của bà L không còn lưu giữ. Như vậy, việc UBND xã K thực hiện việc cấp Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 cho bà Bồ Thị L là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục cấp lại giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L: Căn cứ mục 13 Điều 11 của Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2015 của Chính phủ quy định: "*Người có yêu cầu đăng ký lại việc sinh phải nộp Tờ khai (theo mẫu quy định) và xuất trình bản sao Giấy khai sinh đã cấp hợp lệ trước đây (nếu có)*".

Tại điểm a khoản 6 mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp quy định: "*Trong trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn cho người đã thành niên mà 01 bên hoặc cả 02 bên cha, mẹ đẻ đã chết, thì căn cứ vào những giấy tờ cá nhân có ghi về quan hệ cha, mẹ, con do đương sự xuất trình để ghi; trường hợp không có giấy tờ ghi về quan hệ cha, mẹ, con, thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải xác minh, làm rõ trước khi đăng ký. Hướng dẫn này cũng được áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại việc sinh cho người đã thành niên mà 01 bên hoặc cả 02 bên cha, mẹ đẻ đã chết*."

Từ các quy định trên và xem xét hồ sơ lưu trữ về việc đăng ký lại việc sinh của bà Bồ Thị L xác định: Ngày 06/4/2012, bà Bồ Thị L đến UBND xã K yêu cầu được đăng ký lại khai sinh cho bản thân, hồ sơ đăng ký gồm: Tờ khai đăng ký lại khai sinh (theo mẫu) của bà Bồ Thị L – được UBND thị trấn T xác nhận: Hồ sơ đăng ký khai sinh trước đây hiện không còn lưu trữ, chuyển UBND xã K (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà L) xem xét giải quyết đăng ký lại giấy khai sinh cho bà L theo thẩm quyền. Tờ khai có 03 người làm chứng gồm:

ông Trương Văn Thể và ông Trương Văn Em (cậu ruột của bà Bồ Thị L) và ông Bồ Văn Anh (chú ruột của bà L), xác định: ông Bồ Văn Tvà bà Trương Thị Tlà cha mẹ ruột của bà Bồ Thị L.

Tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại khai sinh, do bà Bồ Thị L không cung cấp được giấy tờ ghi về mối quan hệ cha, mẹ, con nên UBND xã K đã tiến hành xác minh mối quan hệ cha, mẹ, con của bà L theo biên bản xác minh ngày 17/4/2012. Kết quả được ông Nguyễn Văn N (Trưởng ấp KH, xã K) cho biết bà Bồ Thị L là con riêng của bà Trương Thị T (chồng là ông Bồ Văn T).

Căn cứ tờ khai đăng ký lại việc sinh ngày 06/4/2012 của bà Bồ Thị L được UBND thị trấn T xác nhận hồ sơ đăng ký trước đây không còn lưu trữ nên UBND xã K tiến hành lập biên bản xác minh và thực hiện đăng ký lại khai sinh cho bà Bồ Thị L là đảm bảo theo quy định pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch.

Ngày 18/4/2012, trên cơ sở thông tin cá nhân của bà L và kết quả xác minh, UBND xã K thực hiện đăng ký lại Giấy khai sinh số 71 cho bà Bồ Thị L có thông tin cha là ông Bồ Văn T (đã chết) và mẹ là bà Trương Thị T(đã chết) là đúng theo trình tự, thủ tục cấp lại giấy khai sinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L trình bày:

Bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M vì UBND xã K, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L là đúng theo thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Cha bà L tên là ông Bồ Văn T , sinh năm 1929 (đã chết khoảng năm 1982) và mẹ là bà Trương Thị T, sinh năm 1925 (đã chết năm 2003). Ông T và bà T chung sống với nhau từ trước năm 1954, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau ông T và bà T có 01 người con duy nhất là bà Bồ Thị L.

Ông T sống cùng bà T đến khoảng năm 1962 thì không chung sống cùng nhau nữa, sau này ông T lấy vợ khác là bà Nguyễn Thị M còn bà T lấy ông Trịnh Văn Bồng. Ông T chung sống với bà M có bao nhiêu người con thì bà L không biết. Bà T sống với ông Bồng có 06 người con tên Trịnh Thị Gái Lớn, Trịnh Thị Hồng, Trịnh Ngọc Điệp, Trịnh Thị Hạnh, Trịnh Thị Út và Trịnh Công Đạt hiện thường trú tại: Khu phố Khánh Lộc, phường K, thị xã T.

Tại Tờ tường trình về mối quan hệ nhân thân ngày 06/4/2012 do bà Bồ Thị L khai, biên bản xác minh ngày 17/4/2012 của UBND xã K, huyện T và Bản án số 56/2015/DS-ST ngày 23/9/2015 của TAND thị xã T; lời khai của những người làm chứng gồm: Ông Trương Văn E (là em ruột của bà T), bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị Ng1, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Văn N (trưởng khu phố KH, phường K), ông Nguyễn Thành T (trưởng khu phố K, phường T) đều xác định bà Bồ Thị L là con ruột của ông Bồ Văn T và bà Trương Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày:

Về thẩm quyền: Thời điểm đăng ký lại Giấy khai sinh năm 2012, bà Bồ Thị L có HKTT tại ấp KH, xã K, huyện Tân Uyên. Căn cứ Điều 47 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP quy định "*UBND cấp xã, nơi đương sự cư trú hoặc nơi đã đăng ký việc sinh trước đây thực hiện việc đăng ký lại*.". Như vậy, việc UBND phường K thực hiện đăng ký lại Giấy khai sinh số 71 ngày 18/4/2012 cho bà Bồ Thị L là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục: Đối chiếu Điều 46 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định "*Việc sinh đã được đăng ký, nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đã bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được, thì được đăng ký lại*". Căn cứ Tờ khai đăng ký lại việc sinh ngày 06/4/2012 của bà Bồ Thị L được UBND thị trấn T xác nhận hồ sơ đăng ký trước đây không còn lưu trữ nên UBND xã K tiến hành lập biên bản xác minh và thực hiện đăng ký lại khai sinh cho bà Bồ Thị L là đảm bảo theo quy định pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch.

Về nội dung đăng ký lại khai sinh được thực hiện theo khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và điểm a khoản 6 Mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp. Khi yêu cầu đăng ký lại khai sinh, bà Bồ Thị L không cung cấp được bản sao giấy khai sinh đã cấp trước đây cũng như các giấy tờ có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nên UBND xã K đã tiến hành xác minh theo quy định. Căn cứ Tờ tường trình quan hệ nhân thân có 03 người làm chứng (Trương Văn T, Trương Văn E, Bồ Văn A) và Biên bản xác minh ngày 17/4/2012 tại ấp K (nơi sinh sống của bà L) được ông Nguyễn Văn N (Trưởng ấp) cho biết ông Bồ Văn T và bà Trương Thị T là cha, mẹ của bà Bồ Thị L. Do vậy, UBND xã K thực hiện việc đăng ký lại khai sinh cho bà Bồ Thị L có thông tin cha và mẹ theo kết quả xác minh là phù hợp.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu TAND thị xã Tkiến nghị UBND thị xã Tthu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của Chủ tịch UBND xã (nay là phường) K cấp lại cho bà Bồ Thị L chỉ thực hiện được khi có cơ sở chứng minh giấy khai sinh do UBND xã K cấp trái quy định theo điểm h Điều 70 Luật Hộ tịch hoặc có cơ sở chứng minh nội dung cam đoan của bà Bồ Thị L không đúng sự thật khi đăng ký lại giấy khai sinh theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Người làm chứng ông Bồ Văn A trình bày:

Ông Bồ Văn A và ông Bồ Văn T là anh em chú bác ruột, ông A không biết bà Trương Thị T là ai. Bà Nguyễn Thị M là vợ sau của ông Bồ Văn T , còn bà Bồ Thị L thì ông A nghe nói là con vợ trước của ông Bồ Văn T , vợ trước của ông T tên gì và ở đâu thì ông A không biết.

Khoảng năm 2012, bà Bồ Thị L có đến nhà ông Anh ăn đám giỗ, ông A có hỏi anh em trong gia đình bà L là ai thì anh em trong gia đình có nói bà L là con vợ trước của ông T . Nghĩ bà L là cháu của ông Anh nên sau này bà L có

đến nhà và nhờ ông Anh đến UBND xã K để ký xác nhận bà Bồ Thị L mang họ Bồ và là con ruột của ông Bồ Văn T . Ông T ở T giáp bên Bình Chuẩn, còn ông A thì ở B. Nhà ông Anh và nhà ông T cách nhau khoảng hơn 500m. Ông A chỉ biết bà L sinh sống ở K và có gặp bà L một vài lần tại nhà con của ông T khi làm đám giỗ cho ông T .

Trước đây bà L trình bày mẹ của bà L và ông T đã chết có để lại một phần đất nhưng anh chị em khác không đồng ý chia cho bà L vì bà L không phải mang họ Bồ. Nếu muốn được chia phần đất của ông T để lại thì bà L phải có giấy khai sinh xác định bà L là họ Bồ và là con của ông Bồ Văn T . Vì nghĩ bà L là con của ông Bồ Văn T nên ông Anh đã đồng ý đến UBND xã K để ký xác nhận bà L là con của ông Bồ Văn T .

Do trước đây ông A chỉ nghe thông tin bà L là con của vợ trước ông T nên khi bà L nhờ ông A xác nhận bà L là con của ông T thì ông A đã đồng ý. Bà L đã chở ông A đến UBND xã K để ký xác nhận và sau đó bà L được UBND xã K cấp giấy khai sinh mang tên Bồ Thị L và cha là ông Bồ Văn T . Ông A thấy việc làm chứng như vậy là không đúng, chưa đủ chứng cứ xác định bà L là con ruột của ông Bồ Văn T nên ông A xin thay đổi lời trình bày tại UBND xã K trước đây.

Nay bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị M và kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Thủy giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K cấp cho bà Bồ Thị L ngày 17/4/2012 thì ông Anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- *Người làm chứng bà Trần Thị Ng trình bày:*

Bà Trần Thị Ng là dì ruột của ông Bồ Văn T(em ruột của mẹ ông T). Bà Ng đã ở tại khu phố K, phường T từ nhỏ đến nay. Ông T cũng ở tại khu phố Khánh Lộc đến năm 1962 thì di dời vào ấp chiến lược. Khi đó, ông T sinh sống cùng cha mẹ ông T và bà Trương Thị T. Năm 1954, bà T sinh 01 người con là bà Bồ Thị L. Bà Ngon xác định bà L là con của ông Bồ Văn T và bà Trương Thị T.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Quốc Trung xác định:* Ông Bồ Văn T và ông Bồ Văn T là cùng một người. Bà Bồ Thị L là con ông Bồ Văn T và bà Trương Thị T.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tuyên xử như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị M đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T về việc khiếu kiện quyết định hành chính.

Hủy Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Nguyễn Thị M.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012, ngày 18/4/2012 do Uỷ ban nhân dân xã K (nay là phường K) cấp lại giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 27/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo quy định.

Ngày 31/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tcó Quyết định Kháng nghị số: 04/QĐ-VKS-HC đề nghị sửa Bản án số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị M.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên Quyết định Kháng nghị số 04/QĐ-VKS-HC ngày 31/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tđúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của người khởi kiện còn thời hiệu là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính

và xác định quan hệ tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính là đúng quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng Hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện (ông Đặng Thái H); người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan (ông Đoàn Hồng T) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người làm chứng ông Bồ Văn A, bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Quốc T vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 158 và Điều 159 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

Trong qúa trình giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp thừa kế tài sản của ông Bồ Văn T để lại, giữa bà Bồ Thị L và bà Nguyễn Thị M tại TAND thị xã T, thì bà M mới được biết bà Bồ Thị L được UBND xã (nay là phường) K, thị xã Tcấp lại Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012, theo Giấy khai sinh xác định cha của bà Bồ Thị L là ông Bồ Văn T , sinh năm 1925 (đã chết), mẹ là bà Trương Thị T, sinh năm 1925 (đã chết). Cho rằng việc cấp lại Giấy khai sinh cho bà Bồ Thị L là không đúng quy định, bà Nguyễn Thị M (là vợ sau của ông Bồ Văn T) đã làm đơn khiếu nại hành vi của UBND phường K về việc cấp lại Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 cho bà Bồ Thị L và kiến nghị UBND phường K phải thu hồi, hủy giấy khai sinh đã cấp lại cho bà Bồ Thị L. Ngày 18/01/2021, Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M (lần đầu), với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị M.

[3] Xét kháng cáo của bà Bồ Thị L

[3.1] Đối với Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND phường K.

[3.1.1] Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà M là đúng quy định tại Điều 17 luật Khiếu nại.

[3.1.2] Về trình tự: Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà M là đúng quy định tại Điều 27, 28, 29, 30 luật Khiếu nại

[3.1.3] Về nội dung:

Tại khoản 1 Điều 47 Nghị định 158/2015/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính Phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch quy định: "*Trong trường hợp đăng ký lại tại UBND cấp xã, không phải nơi đương sự đã đăng ký hộ tịch trước đây, thì Tờ khai phải có xác nhận của UBND cấp xã, nơi đã đăng ký hộ tịch về việc đã đăng ký; trừ trường hợp đương sự xuất trình được bản sao giấy tờ hộ tịch đã cấp hợp lệ trước đây*".

Tại điểm a khoản 6 mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp quy định: "*Trong trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn cho người đã thành niên mà 01 bên hoặc cả 02 bên cha, mẹ đẻ đã chết, thì căn cứ vào những giấy tờ cá nhân có ghi về quan hệ cha, mẹ, con do đương sự xuất trình để ghi; trường hợp không có giấy tờ ghi về quan hệ cha, mẹ, con, thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải xác minh, làm rõ trước khi đăng ký...*".

Hồ sơ đăng ký lại khai sinh của bà Bồ Thị L do người bị kiện cung cấp gồm có:

- Tờ khai đăng ký lại việc sinh ghi ngày 06/4/2012, được UBND thị trấn T xác nhận: sổ bộ khai sinh năm 1954 hiện địa phương không còn lưu giữ, chuyển cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết và có 03 người gồm ông Trương Minh Thể và ông Trương Văn Em (cậu ruột của bà Bồ Thị L) và ông Bồ Văn Anh (chú ruột của bà L) ký xác nhận.

- Tờ tường trình về mối quan hệ nhân thân ghi ngày 16/4/2012, có 03 người làm chứng gồm ông Trương Minh Thể, ông Trương Văn Em, ông Bồ Văn Anh ký tên xác nhận lời khai của bà Bồ Thị L là đúng.

- Biên bản xác minh ngày 17/4/2021 của cán bộ tư pháp, hộ tịch phường K.

Căn cứ vào những quy định trên, sau khi bà Bồ Thị L có đơn yêu cầu cấp lại giấy khai sinh, UBND phường K đã cấp lại Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 cho bà Bồ Thị L.

Tuy nhiên, tại Tờ khai đăng ký lại việc sinh ghi ngày 06/4/2012 thể hiện xác nhận như sau: "*ông Trương Minh T là cậu ruột của Bồ Thị L, bà Trương Thị T là mẹ ruột của bà Bồ Thị L là đúng sự thật; ông Trương Văn E là cậu của Bồ Thị L, bà Trương Thị T là mẹ ruột của bà Bồ Thị L là đúng sự thật*" và tại Biên bản xác minh ngày 17/4/2021 của cán bộ tư pháp, hộ tịch phường K thể hiện nội dung: "*Ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn N, Trưởng ban điều hành ấp K như sau: Lúc còn sống bà Trương Thị T có người con riêng là bà Bồ Thị L, chồng là ông Bồ Văn Tở Tân Hóa K...*", những người này đều xác nhận bà Bồ Thị L là con của bà Trương Thị T, không xác nhận nội dung bà Bồ Thị L là con ông Bồ Văn T .

Ngoài ra, tại tờ khai cấp chứng minh nhân dân ngày 06/10/1979 và ngày 27/11/2011 của bà Bồ Thị L đều xác định họ tên cha là ông Bồ Văn T, mẹ là bà Trương Thị T. Tuy nhiên, tại Tờ khai đăng ký lại việc sinh ngày 06/4/2012 bà L lại khai cha là ông Bồ Văn T , mặc dù không có văn bản xác nhận nào về việc ông Bồ Văn Thức và Bồ Văn Tlà một người.

Qúa trình tố tụng, bà Bồ Thị L cung cấp 01 "Bổn trích lục Bộ khai sinh", số hiệu 72, ngày 14/6/2971, thể hiện nội dung: "*Bà Bồ Thị Lg, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1971, cha tên Bồ Văn T , mẹ Nguyễn Thị M do UBND xã T cấp*". Đối chiếu với Giấy khai sinh số 71 quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của UBND xã (nay là phường) K, thị xã Tcấp cho bà Bồ Thị L thì có mâu thuẫn với nhau về tên, ngày tháng năm sinh của bà Bồ Thị L.

Như vậy, khi giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M, Chủ tịch UBND phường K chưa làm rõ những mâu thuẫn nêu trên mà đã không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị M là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Bà Bồ Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L cung cấp tài liệu là 01 "*Tờ bán trọn hai sở ruộng*" lập ngày 22/6/1955, thể hiện nội dung ông T , bà T đã nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Văn Thử và 01 "*Thư mời nộp thuế*" lập ngày 11/10/1985, thể hiện nội dung "*UBND xã K trân trọng thông báo cho ông bà L (con ông T)...*", nhưng không thể hiện bà Bồ Thị L là con bà Trương Thị T và ông Bồ Văn T , nên không có cơ sở xem xét.

[3.2] Đối với yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Tkiến nghị UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương hủy Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của Chủ tịch UBND xã (nay là phường) K, thị xã Tcấp cho bà Bồ Thị L.

Tại khoản 2 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính quy định: "*Tòa án có quyền kiến nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật nếu phát hiện văn bản đó có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có L quan để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan tổ chức, cá nhân. Cơ quan, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời Tòa án kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật bị kiến nghị theo quy định của pháp luật làm sơ sở để Tòa án giải quyết vụ án*".

Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật Hộ tịch thì "*Giấy khai sinh là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cá nhân khi được đăng ký khai sinh; nội dung Giấy khai sinh bao gồm các thông tin cơ bản*". Như vậy, giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 do UBND phường K cấp cho bà Bồ Thị L là để chứng nhận lý lịch, thông tin của bà Bồ Thị L, không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Đối chiếu với quy định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, kiến nghị UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 là không đúng quy định pháp luật.

Tại điểm h khoản 1 Điều 70 Luật Hộ tịch quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện: "*UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do UBND cấp xã cấp trái quy định của Luật này, trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật*", điều này đã xác định thẩm quyền của UBND trong lĩnh vực hộ tịch. Việc bà M yêu cầu Tòa án kiến nghị UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương thu hồi, hủy Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của UBND xã (nay là phường) K, thị xã Tcấp cho bà Bồ Thị L là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, HĐXX

hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà Nguyễn Thị M.

[4] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bồ Thị L, giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu TAND thị xã Tkiến nghị UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của UBND xã (nay là phường) K, thị xã Tcấp cho bà Bồ Thị L.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bồ Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, lệ phí. Do đó, bà Bồ Thị L được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220; khoản 1, 4 Điều 241, Điều 242, Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác Quyết định Kháng nghị số 04/QĐ-VKS-HC ngày 31/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Bồ Thị L.

Giữ nguyên một phần quyết định Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, hủy quyết định hành chính sau:

Hủy Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M (lần đầu).

3. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu TAND thị xã Tkiến nghị UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 71, quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012 của UBND xã (nay là phường) K, thị xã Tcấp cho bà Bồ Thị L.

4. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Tphải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bồ Thị L được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu luật pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự; 04;
- VKSND tỉnh Bình Dương; 01;
- VKSND thị xã T; 01;
- TAND thị xã T; 01
- Chi Cục THADS thị xã T; 01;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP. 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương; 01
- VKSND thị xã T; 0
- Tòa án nhân dân thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hs, Tòa HC, Tổ HCTP.